

Bản án số: 70/2021/DS-ST

Ngày: 23- 12- 2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Chúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường - Ông Nguyễn Xuân Hoàng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2021/TLST – DS ngày 22/10/2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2021/QĐXXST- DS ngày 13 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Văn C1, sinh năm 1951 – có mặt

Địa chỉ: thôn ĐN, xã ĐB, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Bà Đặng Thị G, sinh năm 1955 – vắng mặt và có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: xóm t, thôn BT, xã ĐB, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Đặng Văn H1, sinh năm 1955 vắng mặt và có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: xóm t, thôn BT, xã ĐB, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bà Đỗ Thị M1, sinh năm 1951 vắng mặt và có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: Địa chỉ: thôn ĐN, xã ĐB, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Đặng Văn C1 trình bày:

Ngày 01/7/2019 ông có cho vợ chồng ông H1, bà G vay tiền để làm ăn với số tiền là 100 triệu đồng với lãi suất là 0,4%/tháng. Ông bà có hứa hẹn là 3 tháng trả lãi một lần, ông đã lên đòi nhiều lần nhưng vợ chồng bà G, ông H1 không trả ông. Ông xác định đây là tài sản chung của vợ chồng ông và ông yêu cầu Tòa án buộc ông H1, bà G phải trả tiền vay gốc là 100 triệu và tiền lãi từ khi vay đến khi xét xử. Tại phiên hòa giải ông C1 thay đổi yêu cầu, ông chỉ yêu cầu bà G trả số tiền gốc và lãi cho vợ chồng ông, ông không yêu cầu ông H1 phải trả cùng bà G. Ông yêu cầu bà G phải trả cho ông tiền lãi với mức 0,4%/tháng từ ngày 01/7/2019 đến khi Tòa án xét xử.

Bị đơn Bà Đặng Thị G trình bày: Bà có vay của ông C1 100 triệu đồng với lý do vay hộ anh Nguyễn Hữu T1 để anh T1 mở công ty ở bên Lào. Đến nay anh T1 chưa trả được cho bà nên bà chưa có để trả cho ông C1. Bà đã trả lãi cho ông C1 được 3 năm với lãi suất là 1,5% bây giờ không trả được thì ông C1 có lên nhà bà thì bà vẫn bảo là khi anh T1 trả thì bà sẽ trả cho ông C1. Việc vay mượn này của bà với mục đích là để cho anh T1 vay không phải là để phát triển kinh tế gia đình nên chồng và con bà không có liên quan gì. Nay ông C1 khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 100 triệu đồng bà đồng ý nhưng khi nào anh T1 trả cho bà thì bà mới trả cho ông C1. Bà G đồng ý trả số tiền gốc còn về số tiền lãi thì bà xin miễn do bà tuổi cao không lao động được.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn H1 trình bày:

Ông là chồng bà G. Việc vay mượn giữa ông Đặng Văn C1 với bà Đặng Thị G cụ thể như thế nào thì ông không được rõ. Ông chỉ biết việc bà G vay của ông C1 nhưng là vay hộ cho người khác, không vay để phát triển kinh tế gia đình. Số tiền bà G vay ông không được sử dụng và không được cầm. Ông xác định đây là khoản nợ riêng của bà G, không phải là nợ chung của gia đình và đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng trong vụ án. Do tuổi cao sức yếu ông xin được vắng mặt trong tất cả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử của vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị M1 trình bày: Vợ chồng bà có cho bà G vay số tiền 100 triệu đồng đến ngày 01/7/2019 bà G viết giấy nhận nợ cho vợ chồng bà. Mục đích vay tiền của bà G là để làm ăn với lãi suất là 0,4%/tháng tính từ ngày vay. Vợ chồng bà đã đòi nhiều lần nhưng bà G không trả cho bà tiền gốc và tiền lãi nào. Bà xác định đây là khoản nợ riêng của bà G, không liên quan đến ông Đặng Văn H1. Nay bà yêu cầu bà G trả cho bà số tiền gốc 100 triệu đồng và tiền lãi với mức là 0,4%/tháng từ ngày vay đến khi xét xử.

Tại phiên toà, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện của mình.

Nguyên đơn ông Đặng Văn C1 trình bày: Ông yêu cầu Bà G phải trả ông tiền gốc là 100 triệu và tiền lãi với mức là 0,4%/tháng từ ngày 01/7/2019 đến ngày 01/12/2021. Ông cho bà G vay trước thời điểm 01/7/2019, khi vay hai bên không viết giấy vay tiền. Do đòi nhiều lần không được nên ông mới yêu cầu bà G phải viết giấy vay tiền. Từ ngày 01/7/2019 đến nay bà G chưa thanh toán trả cho ông được số tiền lãi nào. Việc bà G xin miễn tiền lãi ông không đồng ý.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng

Điều 352; Điều 357; Điều 466; Điều 468; Điều 469 Bộ luật dân sự 2015

Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bà Đặng Thị G phải trả cho ông Đặng Văn C1, bà Đỗ Thị M1 số tiền gốc là 100 triệu đồng và tiền lãi là 11.600.000 đồng.

Về án phí: Miễn án phí dân sự cho bà Đặng Thị G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: Ông Đặng Văn C1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Đặng Thị G, ông Đặng Quang Hiển có nơi cư trú tại xã DB, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang trả số tiền vay và tiền lãi. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt những người này.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy: Tại bút lục số 03 là giấy có nội dung thể hiện bà Đặng Thị G có vay của ông Đặng Văn C1 100 triệu với lãi suất là 0,4%/tháng phô tô, tại bút lục số 44 là bản gốc của văn bản này. Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải bà G cũng thừa nhận khoản nợ này, bà vay tiền của ông C1 với mục đích để cho người khác vay, không dùng vào phát triển kinh tế gia đình. Ông H1 chồng bà G không biết việc vay mượn này, ông C1, bà M1 cũng chỉ yêu cầu bà G phải trả số tiền vay này. Đến nay, bà G vẫn chưa trả được một khoản tiền gốc nào cho ông C1 là vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Căn cứ quy định tại Điều 352, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 bà G phải có trách nhiệm trả tiền gốc và tiền lãi cho ông C1 tương ứng với thời gian chậm trả. Do vậy, ông C1 khởi kiện yêu cầu cả bà G phải trả 100 triệu đồng tiền gốc và tiền lãi là có căn cứ cần được chấp nhận. Vì ông H1 không biết về khoản vay này, bà G vay cũng không vì mục đích phát triển kinh tế, ông C1, bà M1 cũng không yêu cầu ông H1 phải trả số tiền này do vậy cần buộc bà Đặng Thị G phải trả cho ông C1, bà M1 số tiền gốc và tiền lãi đã vay là đúng quy định của pháp luật.

[3] Áp dụng pháp luật về tính lãi về mức tức lãi, thời gian tính lãi, HĐXX thấy:

Trong giấy vay tiền giữa hai bên có thỏa thuận về lãi suất vay với mức lãi suất là 0,4%/tháng tương đương là 4,8%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trong giấy hai bên không thỏa thuận về thời hạn trả nên được xác định là hợp đồng vay không có kỳ hạn và có lãi suất. Theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất kỳ khi nào và được nhận lại tiền lãi đến thời điểm nhận lại tài sản. Do vậy, ông C1 khởi kiện yêu cầu Tòa án tính lãi từ ngày 01/7/2019 đến khi Tòa án xét xử là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật; Bà G đề nghị được miễn tiền lãi nhưng ông C1, bà M1 không đồng ý nên cần được chấp nhận yêu cầu này của ông C1. Tại phiên tòa, ông C1 thay đổi yêu cầu về thời gian tính lãi từ ngày 01/7/2019 đến ngày 01/12/2021 nên số tiền lãi bà G phải trả cho ông C1 là: $100.000.000 \text{ đồng} \times 0,4\% \times 29 \text{ tháng} = 11.600.000 \text{ đồng}$.

[4] Về án phí: Bà G là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí; Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UB thường vụ quốc hội nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà G.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 352; Điều 357; Điều 466; Điều 468; Điều 469 Bộ luật dân sự 2015

Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn C1. Xử:

1. Buộc bà Đặng Thị G phải trả cho Đặng Văn C1, bà Đỗ Thị M1 số tiền gốc là 100 triệu đồng và tiền lãi là 11.600.000 đồng. Tổng số tiền bà G phải trả cho ông C1, bà M1 là 111.600.000 đồng. .

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền gốc, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đặng Thị G

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hoà;
- CCTHADS huyện Hiệp Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Đặng Văn Chức